TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/HNGĐ - ST
Ngày 20/5/2026
V/v: Không công nhận là vợ chồng, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hồng Điệp.

2. Bà Hoàng Thị Minh Tình.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lý A Dà- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai, tỉnh Lào Cai *tham gia phiên tòa*: Bà Hà Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026 Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2026/TLST - HNGĐ ngày 11/02/2026 về không công nhận là vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:23/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số:19/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026, Thông báo mở lại phiên tòa số 48/TB-TA ngày 06 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Cứ Thị P**, sinh năm 1991;

Số định danh cá nhân: 0xxxx;

Nơi ĐKTT: Thôn D, xã L, tỉnh Lào Cai;

Nơi ở hiện nay: Thôn L1, xã L, tỉnh Lào Cai;

Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Giàng A N**, sinh năm 1991;

Số định danh cá nhân: xxx;

Địa chỉ: Thôn D, xã L, tỉnh Lào Cai;

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản lấy lời khai chị Cứ Thị P trình bày: Chị và anh Giàng A N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 không đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Giàng A N nghiện ma túy, không chịu làm ăn, thường đánh đập đuổi vợ con ra khỏi nhà, hai bên gia đình đã hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng anh N không thay đổi, từ tháng 6/2024 anh N nhất trí ly hôn, đường ai nấy đi. Nay chị P yêu cầu Tòa án không công nhận chị P và anh Giàng A N là vợ chồng. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Giàng Thị M, sinh ngày 12/11/2014; Giàng Thị Ph, sinh ngày 08/4/2017, chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung chị P không yêu cầu.

Để chứng minh điều kiện nuôi con, chị P giao nộp đơn đề nghị được xác nhận của UBND xã L với nội dung chị P có công việc làm ruộng và làm thuê tự do có mức thu nhập bình quân là 200.000 đồng/ ngày.

Các con chung Giàng Thị M, Giàng Thị Ph đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Giàng A N không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh với Trưởng Thôn D, xã L thể hiện: Chị Cứ Thị P và anh Giàng A N là công dân có đăng ký thường trú và sinh sống tại địa phương. Chị P và anh N tự nguyện tìm hiểu và về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, anh chị chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán mà không có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị có hai con gái chung là Giàng Thị M, sinh năm 2014 và Giàng Thị Ph, sinh năm 2017, chị P và anh N sinh sống với nhau đến năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn do anh N có sử dụng trái phép chất ma túy. Tháng 6/2024, theo phong tục tập quán tại địa phương anh N và chị P đã nhờ Tổ hòa giải của thôn bản hòa giải cho anh chị không ở cùng nhau nữa, chị P ở với bố mẹ đẻ ở Thôn L1, xã L, tỉnh Lào Cai, anh chị cũng đã thỏa thuận về nuôi con chung xong. Tuy nhiên do quy định pháp luật của Nhà nước thì anh N và chị P phải yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đến nay chị P đề nghị tuyên anh N và chị P không phải là vợ chồng. Việc chị P yêu cầu không công nhận vợ chồng với anh N tại Tòa án thì bản thân anh N đã biết, nhưng anh N là người sử dụng trái phép chất ma túy thường đi ra khỏi nhà hàng tuần mới trở về một vài ngày rồi lại đi. Các con chung hiện nay chị P chăm sóc, nuôi dưỡng, tại địa phương chị P là người lao động tự do, làm nương rẫy, với loại lao động này tại địa phương thì có mức thu nhập từ 100.000 đồng đến 150.000 đồng/ngày. Nay chị P đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với anh N và đề nghị nuôi các con chung. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh với Công an xã L thể hiện: Anh Giàng A N có đăng ký thường trú và sinh sống tại địa phương, anh N là người nghi sử dụng trái phép chất ma túy, đang được Công an xã quản lý nhưng chưa triệu tập làm việc, chưa kiểm

tra được chất ma túy trong cơ thể, chưa giải nghi được. Anh N hiện nay vẫn có mặt tại địa phương, tuy nhiên thường trốn tránh, lánh mặt các cơ quan chức năng khi có yêu cầu làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố chị Cứ Thị P và anh Giàng A N không phải là vợ chồng. Về con chung căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Giao cho chị Cứ Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Giàng Thị M và Giàng Thị Ph, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị miễn án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Giàng A N là bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn D, xã L, tỉnh Lào Cai vụ án do Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai, tỉnh Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, anh Giàng A N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Chị Cứ Thị P vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Cứ Thị P và anh Giàng A N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cứ Thị P và anh Giàng A N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 tại Thôn D, xã L, tỉnh Lào Cai mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã L xác nhận chị Cứ Thị P và anh Giàng A N sống chung như vợ chồng từ 2013 đến 2024 không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì việc sống chung như vợ chồng của anh N và chị P không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, yêu cầu của chị Cứ Thị P được Hội đồng xét xử chấp nhận và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cứ Thị P và anh Giàng A N.

[4] Về con chung: Anh N và chị P có 02 con chung là Giàng Thị M, sinh ngày 12/11/2014 và Giàng Thị Ph, sinh ngày 08/4/2017. Chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện các con đang sinh sống ổn định cùng chị P, do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng;

các cháu đều từ đủ 07 tuổi trở lên và có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy chị P có việc làm, thu nhập và điều kiện bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng con; việc giao con cho chị tiếp tục nuôi dưỡng sẽ bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, đồng thời tránh xáo trộn về tâm lý và môi trường sống. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cả hai con chung cho chị Cứ Thị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các con, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do chị P không yêu cầu cấp dưỡng nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Cứ Thị P là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đề nghị miễn án phí. Hội đồng xét xử xét miễn án phí cho chị Cứ Thị P.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cứ Thị P và anh Giàng A N.

2. Về con chung: Giao cho chị Cứ Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Giàng Thị M, sinh ngày 12/11/2014 và Giàng Thị Ph, sinh ngày 08/4/2017. Anh Giàng A N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Cứ Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Cứ Thị P, anh Giàng A N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành

án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 4- Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 4- Lào Cai;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu HS.

Lưu Hoa Quỳnh